

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

BIÊN BẢN KIỂM TOÁN
VIỆC THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 9 năm 2020



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TOÁN

**VIỆC THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019,
QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN VỐN NHÀ NƯỚC,
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VỐN NHÀ NƯỚC
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**

Thực hiện Quyết định số 936/QĐ-KTNN ngày 20/7/2020 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2019 của Tổng công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn - TNHH MTV (viết tắt là Tổng công ty Samco), Tổ kiểm toán tại Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn, thuộc Đoàn kiểm toán nhà nước tại Tổng công ty Samco của Kiểm toán nhà nước khu vực IV, đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn (viết tắt là Công ty) từ ngày 13/8/2020 đến ngày 30/8/2020.

Hôm nay, ngày 7/9/2020, tại văn phòng Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn, chúng tôi gồm:

A. Tổ kiểm toán tại Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn

- | | |
|--------------------------|---|
| 1. Ông Hoàng Thế Phú | - KTV - Tổ trưởng, số thẻ KTVNN: C0671. |
| 2. Bà Sâm Thị Hồng Giang | - Kiểm toán viên, số thẻ KTVNN: C0718. |
| 3. Ông Nguyễn Tấn Tài | - Chuyên viên. |

B. Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn

- | | |
|----------------------------|-------------------|
| 1. Ông Phạm Hoàng Hiệp | - Tổng Giám đốc. |
| 2. Bà Đoàn Thị Giao Thuyết | - Kế toán trưởng. |

Cùng thống nhất lập Biên bản kiểm toán như sau:

1. Nội dung kiểm toán

Kiểm toán việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước; việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Người đại diện vốn của Tổng công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn (có phần vốn nhà nước) tại Công ty; hiệu quả hoạt động của Công ty; Đánh giá tình hình tham gia đấu thầu và thực hiện các đơn đặt hàng của Thành phố trong hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; cơ chế trợ giá cho vận tải hành khách công cộng; công tác quản lý chi phí, việc xây dựng và áp dụng định mức tiêu hao nhiên liệu; việc quản lý sử dụng xe và lộ trình xe; công tác đầu tư mua sắm đổi mới phương tiện vận tải.

2. Phạm vi và giới hạn kiểm toán

2.1 Phạm vi kiểm toán: Niên độ tài chính năm 2019.

2.2. Giới hạn kiểm toán

Do điều kiện giới hạn về thời gian, nhân lực kiểm toán; thời gian kiểm toán không trùng khớp với thời gian thực hiện công tác kiểm kê, đối chiếu của công ty nên Tổ kiểm toán xác định giới hạn như sau: Tổ kiểm toán không tham gia chứng kiến kiểm kê tài sản, tiền mặt tồn quỹ, vật tư, thành phẩm, hàng hoá, sản phẩm dở dang tại thời điểm 31/12/2019; không thực hiện xác minh chứng từ và hóa đơn đầu vào đơn vị đã kê khai khấu trừ thuế và đã hạch toán; không kiểm toán và xác nhận Báo cáo tài chính, chỉ thực hiện kiểm toán việc

thực hiện nghĩa vụ với NSNN trong năm 2019; Tổ kiểm toán thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu căn cứ số liệu trên Báo cáo tài chính, sổ kế toán, hóa đơn và chứng từ do đơn vị cung cấp tại thời điểm kiểm toán.

3. Căn cứ kiểm toán

- Luật Kiểm toán nhà nước, Luật Kế toán, các văn bản pháp luật về quản lý kinh tế, tài chính, kế toán và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

- Hệ thống Chuẩn mực kiểm toán, Quy trình kiểm toán, Quy chế Tổ chức và hoạt động Đoàn kiểm toán của Kiểm toán nhà nước.

- Biên bản kiểm toán được lập trên cơ sở các bằng chứng kiểm toán, Biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán của kiểm toán viên, Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty được lập ngày 29/6/2020 và các tài liệu khác có liên quan.

Phần thứ nhất KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

I. Số liệu kiểm toán (về thực hiện nghĩa vụ với NSNN tại 31/12/2019)

- Kiểm toán thực hiện nghĩa vụ với NSNN đến 31/12/2019: Chi tiết Phụ lục 02c/BBKT-DN kèm theo.

- Các phát hiện sai sót trong quá trình kiểm toán tại đơn vị: Chi tiết Phụ lục số 04/BBKT-DN kèm theo.

II. Đánh giá việc thực hiện nghĩa vụ với NSNN, hiệu quả hoạt động của Công ty, tình hình thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Người đại diện vốn của Tổng công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn tại Công ty

1. Việc thực hiện nghĩa vụ với NSNN

Về cơ bản, trong năm 2019 Công ty đã thực hiện kê khai, nộp thuế và các khoản nộp NSNN theo quy định của Luật Quản lý thuế và các luật thuế liên quan. Tuy nhiên, Công ty chưa hạch toán kịp thời các khoản tiền đã nộp theo thông báo của cơ quan thuế (đã nêu tại phụ lục số 2c/BBKT-DN). Công ty có 04/07 khu đất chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất với diện tích 40.211 m², bao gồm: khu đất số 343/20 Lạc Long Quân, phường 2, quận 11 (30.403,1 m²); khu đất số 439 Phan Văn Trị, phường 5, quận Gò Vấp (7.458,8 m²); khu đất số 500 đường Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, Quận 3 (773.5 m²) và khu đất số 171 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh (1.575,8 m²), nguyên nhân do các khu đất này chưa được ký Hợp đồng thuê đất và chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất¹.

¹ Căn cứ Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về cho Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn thuê đất; ngày 20/03/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố có các phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai số 2537/PC-STNMT-QLĐ, 2538/PC-STNMT-QLĐ, 2540/PC-STNMT-QLĐ, 2541/PC-STNMT-QLĐ cho Cục thuế TP.HCM để thực hiện xác định đơn giá thuê đất.

Sau đó, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố đã rà soát lại và xác định diện tích tính thu tiền thuê đất của cả 04 khu đất nêu trên có giá trị trên 30 tỷ đồng mỗi khu. Căn cứ Điều 3, Nghị định 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 thì đối với diện tích tính thu tiền thuê đất của khu đất có giá trị từ 30 tỷ đồng trở lên, giá thuê đất được xác định theo phương pháp so sánh trực tiếp, chiết trừ, thu nhập, thặng dư và ngày 25/06/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố có công văn số 6040/STNMT-QLĐ xác định rõ việc xác định đơn giá thuê đất của các khu đất này thuộc thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố.

Theo báo cáo của Công ty, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố đã 03 lần đăng thông tin công khai trên trang thông tin điện tử của Sở về việc chọn cạnh tranh đơn vị tư vấn có chức năng thẩm định giá. Tuy nhiên, sau 03 lần đăng thông tin thì không có đơn vị tư vấn tham gia. Ngày 13/02/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố có văn bản gửi Tổng cục quản lý đất đai - Bộ Tài nguyên và Môi trường kiến nghị xem xét việc giao Trung tâm Định giá đất và Kiểm định địa chính - trực thuộc Tổng cục quản lý Đất đai tham gia tư vấn, xác định giá đất cụ thể đối với trường hợp mà các đơn vị tư vấn hoạt động trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh không tham gia để Sở trình Hội đồng thẩm định giá đất thành phố trước khi trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt. Ngày 18/03/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố cũng đã xin ý kiến Ủy ban nhân dân thành phố về việc bố trí nguồn kinh phí trong việc thực hiện thuê đơn vị tư vấn hoặc chỉ định đơn vị tư vấn đối với trường hợp chào thầu nhiều lần nhưng không có đơn vị tư vấn tham gia. Công ty cho biết, qua làm việc với Sở Tài nguyên và môi trường thành phố, Sở cho biết sẽ tiếp tục thực hiện các thủ tục về xác định nghĩa vụ tài chính 04 khu đất còn lại của Công ty sau khi có ý kiến của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty

- Kết quả thực hiện năm 2019: Tổng doanh thu năm 2019 là 595.528 triệu đồng, bằng 95,47 % so với số thực hiện năm 2018 (623.763 triệu đồng), đạt 87,11 % kế hoạch năm 2019 (683.670 triệu đồng). Lợi nhuận trước thuế năm 2019 là âm (-) 52.294 triệu đồng.

Đánh giá tính kinh tế, hiệu quả trong hoạt động của Công ty thông qua một số chỉ tiêu tài chính cơ bản như sau:

- Nhóm tỷ suất khả năng sinh lời: Công ty đang lỗ.

- Nhóm tỷ suất khả năng thanh toán:

+ Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu: 0,75 lần

+ Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn: 0,82 lần

+ Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả: 2,33 lần

- Hệ số bảo toàn vốn (Vốn chủ sở hữu cuối năm/Vốn chủ sở hữu đầu năm): H = 0,88 lần.

- Năm 2019, lợi nhuận trước thuế TNDN của Công ty là âm (-) 52.294 triệu đồng; vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2019 là 453.256 triệu đồng (giảm 146.744 triệu đồng so với vốn góp của chủ sở hữu). Trong năm 2019, Công ty có 2 công trình văn phòng và 278 xe buýt với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2019 là 60.226 triệu đồng, đang ngưng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và chờ thanh lý. Những tài sản này Công ty không trích khấu hao và không hạch toán vào chi phí trong năm 2019 là không đúng với quy định tại Khoản 3, Điều 5, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Nếu trích đầy đủ khấu hao của những tài sản này theo quy định, thì khoản lỗ của Công ty trong năm 2019 sẽ tăng thêm 26.965 triệu đồng.

- Qua phân tích nêu trên cho thấy, trong năm 2019 Công ty không bảo toàn được vốn đầu tư của chủ sở hữu, vốn của Tổng công ty Samco đầu tư tại Công ty.

Theo báo cáo của Công ty:

* Hoạt động kinh doanh của công ty trong năm 2019 gồm 3 hoạt động chủ yếu là hoạt động xe buýt (52,7% doanh thu), hoạt động hỗ trợ khác (36,3% doanh thu), hoạt động vận tải (11% doanh thu). Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2019: Lợi nhuận trước thuế TNDN âm (-) 50.222 triệu đồng, trong đó lỗ của hoạt động xe buýt là 58.841 triệu đồng (02 hoạt động còn lại có lãi), việc lỗ này chủ yếu do tiền trợ giá ngân sách dành cho xe buýt thiếu hụt, cụ thể như sau:

- Doanh thu đặt hàng Công ty phải nhận khoán cao hơn thực tế.

Trợ giá cho xe buýt của Thành phố đang áp dụng theo công thức tại Quyết định 20/2014/QĐ UBND ngày 30/05/2014 của UBND thành phố:

Kinh phí trợ giá = Tổng chi phí chuyển xe – Doanh thu đặt hàng hoặc đấu thầu.

Trong đó:

- Tổng chi phí chuyển xe được tính toán theo quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành về đơn giá chi phí vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt và xe đưa rước học sinh, sinh viên và công nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Doanh thu đặt hàng hoặc đấu thầu được xây dựng trên cơ sở khối lượng thực hiện thực tế được thống kê của các năm liền kề trước đó, khảo sát thực tế làm cơ sở dự báo mức tăng trưởng khối lượng hành khách vận chuyển và giá vé bình quân của tuyến.

- Trong năm 2019, Trung tâm yêu cầu các đơn vị ký Hợp đồng đặt hàng với mức sản lượng giao khoán cao hơn thực hiện 2018 là 10,67%. Tuy nhiên, để phù hợp với dự toán được giao là 889 tỷ đồng nên Trung tâm bắt buộc các đơn vị xe buýt phải nhận thêm mức khoán doanh thu bán vé tăng thêm 18,72% và tổng mức khoán doanh thu bán vé tăng thêm so với thực hiện năm 2018 là 29,39%. Với kết quả sản lượng thực hiện thực tế năm 2019 giảm khoảng 13% so với thực hiện năm 2018, đồng nghĩa với việc các doanh nghiệp vận tải phải nhận mức khoán cao hơn 42,39% so với thực tế thực hiện, tương đương với khoản tiền trợ giá thiếu hụt (lỗ khoán) 56,3 tỷ đồng.

*** Thiếu hụt do không nhận được tiền khấu hao xe cũ hoạt động trên 10 năm:**

- Công ty chính thức hoạt động với mô hình Công ty cổ phần từ ngày 19/08/2016. Khi thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa thì giá trị tài sản là phương tiện vận tải đánh giá lại tăng 156.505 triệu đồng; trong đó giá trị tài sản là phương tiện vận tải đã hết khấu hao được đánh giá lại tăng thêm 30% nguyên giá tương đương tăng thêm 114.404 triệu đồng. Nghĩa là từ thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần Công ty phải chịu chi phí khấu hao tăng thêm bình quân 52.000 triệu đồng/năm.

- Trong khi đó, những xe hoạt động trên các tuyến xe buýt có trợ giá mà có thời gian hoạt động trên 10 năm (là những xe tính đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 30/06/2015 đã hết khấu hao) thì tiền trợ giá Công ty nhận được cho những tuyến buýt có loại xe này hoạt động không có chi phí khấu hao, mặc dù trong đơn giá trợ giá có tính nhưng do ngân sách không đủ nên Sở GTVT và Trung tâm Quản lý giao thông công cộng không cấp cho đơn vị. Cụ thể trong năm 2019 Công ty không nhận được khoản tiền khấu hao xe 6,2 tỷ đồng và năm 2018 là 11,2 tỷ đồng.

*** Thiếu hụt do không nhận được tiền đầu tư và chi phí tiền lương tăng thêm đối với các tuyến bán vé bán tự động không bố trí nhân viên phục vụ:**

- Để đẩy mạnh ứng dụng các giải pháp công nghệ vào công tác quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng, góp phần giảm thất thoát, tiêu cực và tiết kiệm ngân sách thành phố, Công ty đã duy trì và phát triển hệ thống bán vé tự động trên các tuyến buýt có trợ giá theo chủ trương của Thành phố tại văn bản số 12063/VP-ĐT ngày 30/10/2018 của Ủy ban nhân dân Tp.HCM.

- Giai đoạn từ 2014-2017, Trung tâm đã thực hiện thương thảo, thống nhất mức trợ giá trên các tuyến xe buýt bán vé bán tự động để phù hợp với hoạt động của Công ty trên cơ sở tiết giảm chi phí lương tiếp viên (do không bố trí tiếp viên) và thương thảo cấp thêm khoảng tương đương 30% chi phí lương cho Lái xe để bù đắp một phần chi phí vận hành cho hệ thống, tăng lương cho Lái xe do phải làm thay một phần công việc của Tiếp viên. Tuy nhiên, từ năm 2018 trở đi thì Công ty không được cấp khoản tiền nêu trên; lý do việc thực hiện tiết kiệm nêu trên là chưa có quy định cụ thể, mặc dù việc này cũng được Sở Tài Chính có ý kiến tại công văn số 6671/STC-ĐTSC ngày 01/10/2018 đề nghị Sở Giao Thông Vận Tải chỉ đạo Trung tâm thực hiện thanh toán thông qua đàm phán hợp đồng. Theo ước tính của Công ty năm 2018, năm 2019 tiền trợ giá cho khoản tương đương 30% chi phí lương cho Lái xe khoảng 21,56 tỷ đồng.

* Một số nguyên nhân khác: Với việc ngân sách trợ giá cho xe buýt luôn bị cắt giảm, thiếu hụt, nhưng Công ty chưa có những biện pháp điều hành linh hoạt để thích ứng với tình hình thực tế, như thu hẹp hoạt động các loại hình dịch vụ hỗ trợ không hiệu quả, tập trung đầu tư phát triển các loại hình kinh doanh dịch vụ hỗ trợ có hiệu quả; còn chậm trễ trong việc áp dụng công nghệ trong quản lý điều hành để tiết giảm nhân sự; chưa gắn tiền lương

với hiệu quả công việc; chưa kịp thời rà soát, điều chỉnh hoạt động của các tuyến buýt theo từng thời điểm, nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động. Bên cạnh đó, việc thụ động trông chờ vào sự thay đổi của chính sách cũng làm cho các quyết định trong quản lý điều hành chưa phù hợp.

Với những nguyên nhân đã nêu trên, trong năm 2019 hoạt động buýt của Công ty đã không đạt được hiệu quả như kế hoạch đề ra.

3. Đánh giá việc thực hiện hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Người đại diện vốn của Tổng công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn tại Công ty

- Nhìn chung, trong năm 2019, người đại diện vốn của Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn đã thực hiện các phương thức giám sát tài chính đối với Công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp 2014; Nghị định 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; cơ bản đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định của Quy chế Quản lý người đại diện phần vốn của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn đầu tư vào doanh nghiệp.

- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trong 6 tháng đầu năm và cuối năm 2019, báo cáo tình hình đột xuất khi có yêu cầu của Tổng công ty.

- Kết quả đánh giá thực hiện nhiệm vụ năm 2019 của người đại diện phần vốn Tổng công ty Samco tại Công ty theo Quyết định số 43/QĐ-HĐTV ngày 27/5/2020 của Tổng công ty Samco; người đại diện vốn tại Công ty được đánh giá là Hoàn thành nhiệm vụ.

III. Đánh giá tình hình tham gia đấu thầu và thực hiện các đơn đặt hàng của Thành phố trong hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; cơ chế trợ giá cho vận tải hành khách công cộng; công tác quản lý chi phí, việc xây dựng và áp dụng định mức tiêu hao nhiên liệu. Đánh giá việc quản lý sử dụng xe và lộ trình xe; công tác đầu tư mua sắm đổi mới phương tiện vận tải

Theo báo cáo của Công ty:

Năm 2019, hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt có trợ giá của Công ty được thực hiện theo phương thức nhà nước đặt hàng với các doanh nghiệp vận tải. Công ty ký kết hợp đồng đặt hàng thực hiện dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt (có trợ giá) với Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng (viết tắt là Trung tâm), thuộc Sở Giao thông vận tải TPHCM.

* Về Hợp đồng nguyên tắc đã ký với Trung tâm:

- Ngày 31/12/2018, Công ty đã ký hợp đồng số 767/HĐ-TT về hợp đồng nguyên tắc thực hiện dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt có trợ giá năm 2019 trên các tuyến của Công ty với Trung tâm.

- Hợp đồng được ký kết dựa trên các thông tư hướng dẫn của Bộ GTVT, văn bản hướng dẫn của UBND Thành phố và các sở ban ngành của TPHCM.

- Trung tâm tạm thời đặt hàng Công ty thực hiện dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt năm 2019. Số lượng tuyến: 24 tuyến trên địa bàn TPHCM.

- Khối lượng và giá trị hợp đồng đặt hàng được tính cụ thể sau khi hai bên tiến hành ký kết hợp đồng chính thức thực hiện dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt năm 2109.

* Về hợp đồng chính thức đã ký với Trung tâm:

- Ngày 10/5/2019, Công ty ký hợp đồng số 371/HĐ-TT về hợp đồng đặt hàng đặt hàng với Trung tâm thực hiện dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt có trợ giá năm 2019 trên các tuyến của Công ty cổ phần xe khách Sài Gòn.

- Hợp đồng được ký kết dựa trên các thông tư hướng dẫn của Bộ GTVT, văn bản hướng dẫn của UBND Thành phố và các sở ban ngành của TPHCM.

- Đây là hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh (điều chỉnh theo doanh thu và chi phí theo các văn bản hướng dẫn của UBND Thành phố và các sở ban ngành theo từng thời kỳ).

* Phụ lục Hợp đồng (lần 1)

Ngày 31/12/2019, Công ty đã ký Phụ lục hợp đồng số 1044/PLHĐ-TT với Trung tâm về điều chỉnh Hợp đồng đặt hàng thực hiện dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt năm 2019 (Hợp đồng số 371/HĐ-TT ký ngày 10/5/2019); Căn cứ các văn bản:

- Quyết định số 3677/QĐ-UBND ngày 30/8/2019 của UBND Thành phố về ban hành Bộ đơn giá vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố.

- Quyết định số 1684/QĐ-SGTVT ngày 13/4/2019 của Sở GTVT về việc phê duyệt dự toán đặt hàng cung ứng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và vận chuyển học sinh, sinh viên trên địa bàn Thành phố.

- Quyết định số 6814/QĐ-SGTVT ngày 31/12/2019 của Sở GTVT về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán đặt hàng cung ứng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố.

- Thông báo số 4430/TB-SGTVT-STC ngày 23/9/2019 của Sở GTVT – Sở TC về điều chỉnh mức chênh lệch chi phí nhiên liệu trong đơn giá chi phí vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt và xe đưa rước học sinh, sinh viên và công nhân do thay đổi giá nhiên liệu áp dụng từ ngày 01/01/2019 trở đi.

- Văn bản số 5980/TT-KHĐT ngày 27/12/2019 của Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng về tổng hợp chênh lệch chi phí đơn giá khi có sự thay đổi mức lương cơ sở, giá nhiên liệu và công thức tính giá nhiên liệu CNG thay đổi trong đơn giá vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trong năm 2019.

- Giá trị đặt hàng: 190.273.875.625 đồng, thay đổi trên cơ sở dự toán tại Quyết định số 6914/QĐ-SGTVT ngày 31/12/2019 của Sở GTVT và kết quả thương thảo giữa Trung tâm và đơn vị vận tải.

- Chi phí điều chỉnh theo Quyết định số 23/2012/QĐ-UBND ngày 09/6/2012 của UBND Thành phố có giảm trừ tiết kiệm như dự toán đã được Sở GTVT đã duyệt. Chi phí trên chuyên là chi phí đã giảm trừ chi phí 1 tiếp viên, khấu hao phương tiện đã hết khấu hao và phần chi phí tiếp viên thứ 2 đối với các tuyến không bố trí nhân viên phục vụ. Chi phí nhiên liệu điều chỉnh theo Thông báo số 4430/TB-SGTVT-STC ngày 23/9/2019; văn bản số 5980/TT-KHĐT ngày 27/12/2019; Công văn số 1462/KMN-KD ngày 27/12/2019 của Cty Cổ phần Khí Miền Nam...

* Phụ lục hợp đồng (lần 2)

Ngày 01/4/2020, Công ty ký Phụ lục hợp đồng lần 2 số 37/PLHĐ-TT về việc điều chỉnh Hợp đồng số 371/HĐ-TT ký ngày 10/5/2019; Căn cứ Phụ lục hợp đồng số 1044/PLHĐ-TT với Trung tâm và các văn bản:

- Quyết định số 5458/QĐ-SGTVT ngày 28/12/2019 của UBND Thành phố về việc bổ sung dự toán chi phí thường xuyên năm 2019.
 - Quyết định số 1684/QĐ-SGTVT ngày 13/4/2019 của Sở GTVT về việc phê duyệt dự toán đặt hàng cung ứng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và vận chuyển học sinh, sinh viên trên địa bàn Thành phố.
 - Quyết định số 469/QĐ-SGTVT ngày 05/3/2020 của Sở GTVT về phê duyệt điều chỉnh dự toán đặt hàng cung ứng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố.
 - Văn bản số 256/TT-KHĐT ngày 20/01/2020 của Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng về áp dụng định mức hao phí nhiên liệu CNG...
- * Theo báo cáo của Công ty, từ năm 2009, Trung tâm bắt đầu việc ký hợp đồng đặt hàng với các đơn vị vận tải buýt (trong đó có Công ty). Về cơ bản, Công ty thực hiện theo Hợp đồng, các phụ lục hợp đồng đã ký kết với Trung tâm. Hằng năm, Công ty đã nhận tiền trợ giá do Trung tâm thanh toán dựa trên giá trị của Hợp đồng và các phụ lục hợp đồng đã ký. Tuy nhiên, từ 2013 đến thời điểm hiện nay, Công ty chưa được quyết toán về tiền trợ giá xe buýt và chưa được thanh lý các hợp đồng đặt hàng vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt giữa Công ty và Trung tâm từ năm 2009 (Công ty đã nộp hồ sơ thanh toán cho Trung tâm, nhưng chưa nhận được thông báo của Trung tâm về việc thanh lý hợp đồng).
- * Công tác quản lý chi phí, việc xây dựng và áp dụng định mức tiêu hao nhiên liệu.
- Theo báo cáo của Công ty, Công ty quản lý chi phí theo quy định tại Điều 26, Quy chế quản lý tài chính của Công ty, ban hành ngày 20/9/2019, bao gồm những khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.
 - Công ty đã ban hành các định mức tiêu hao nhiên liệu, dựa trên thông số kỹ thuật của nhà sản xuất đưa ra về dung tích xi lanh và công suất động cơ đối với từng loại xe, bên cạnh đó còn xét đến hoạt động thực tế trên đường như tốc độ di chuyển, số trạm dừng rước khách, sản lượng hành khách trên từng tuyến khác nhau để đưa ra định mức khác nhau trên từng tuyến.
- * Đánh giá việc quản lý sử dụng xe và lộ trình xe; công tác đầu tư mua sắm đổi mới phương tiện vận tải.
- Theo báo cáo của Công ty năm 2019, Công ty quản lý 503 phương tiện hoạt động dịch vụ vận tải hành khách trong đó: 402 xe hoạt động trên các tuyến buýt; 68 xe hoạt động cho thuê xe dài hạn; 15 xe hoạt động trên tuyến liên vận quốc tế Campuchia; 18 xe hoạt động cho thuê xe ngắn hạn và du lịch lẻ hành. Về luồng tuyến: Năm 2019, Công ty khai thác dịch vụ vận tải trên các loại hình dịch vụ: Quản lý, khai thác 24 tuyến xe buýt có trợ giá và 02 tuyến buýt không trợ giá; khai thác tuyến liên vận quốc tế Campuchia; hợp đồng cho thuê xe dài hạn với 24 doanh nghiệp, nhà máy.
 - Các phương tiện vận tải đều có hồ sơ riêng, được theo dõi trên sổ kế toán theo Quy chế quản lý tài chính của Công ty; thường xuyên duy tu, bảo dưỡng tài sản, báo cáo đề xuất Công ty xử lý kịp thời tài sản không có nhu cầu sử dụng, không sử dụng được hoặc sử dụng không hiệu quả. Công ty đã tự đầu tư và đưa vào vận hành khai thác Trung tâm điều hành trực tuyến, trực tiếp điều hành phương tiện hoạt động hàng ngày thông qua hệ thống giám sát hành trình (GPS), camera trực tuyến lắp đặt trên xe. Trình tự, thủ tục đầu tư mua sắm được thực hiện theo quy định của pháp luật. Những tài sản không phải thực hiện theo phương thức đấu thầu thì phải thực hiện chào giá cạnh tranh. Công ty thực hiện nhượng bán,

thanh lý tài sản để thu hồi vốn trên nguyên tắc công khai, bảo toàn vốn theo trình tự về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định trong Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Phần thứ hai
Ý KIẾN ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

.....
.....
Biên bản kiểm toán gồm 08 trang, được đánh số từ trang 01 đến trang 08 và phụ lục số Phụ lục số 01, 02c, 04/BBKT-DN là bộ phận không tách rời và được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau: Kiểm toán nhà nước giữ 03 bản, đơn vị được kiểm toán giữ: 01 bản./.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN
XE KHÁCH SÀI GÒN



PHẠM HOÀNG HIỆP

TỔ TRƯỞNG TỔ KIỂM TOÁN

Hoàng Thế Phú

Số hiệu thẻ KTVNN: C0671

TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Nguyễn Văn Hiệu

Số hiệu thẻ KTVNN: B0272

DANH SÁCH ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Kiểm toán việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước; việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Người đại diện vốn của Tổng công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn (có phần vốn nhà nước) tại Công ty tại Công ty Cổ phần Xe Khách Sài Gòn.

KIỂM TOÁN THỰC HIỆN NGHĨA VỤ THUẾ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
Đến ngày 31/12/2019

I. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: Đồng.

Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	1	2	3=2-1
I. Thuế	8.003.141.209	7.920.152.703	(82.988.506)
1.Thuế GTGT	101.717.489		-
4.Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.148.746.263	1.065.757.757	(82.988.506)
5.Thuế thu nhập cá nhân	90.559.897		-
7.Thuế đất và tiền thuê đất	6.662.117.560		-
II.Các khoản phải nộp khác	-	-	-
Tổng cộng =I+II	8.003.141.209	7.920.152.703	(82.988.506)

Giải thích nguyên nhân chênh lệch:

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải thu NSNN giảm: 82.988.506 đồng là do đơn vị chưa ghi nhận khoản thuế TNDN phải nộp NSNN theo Quyết định 718/QĐ-CT ngày 1/2/2019 của Cục thuế TP HCM.

II. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

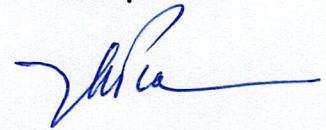
Đơn vị tính: Đồng.

Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	1	2	3=2-1
I. Thuế	456.320	1.989.684.739	1.989.228.419
1.Thuế GTGT	-	-	-
4.Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-
5.Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-
6. Thuế tài nguyên	456.320	456.320	-
7. Thuế đất, tiền thuê đất	-	1.989.228.419	1.989.228.419
II.Các khoản phải nộp khác	-	-	-
Tổng cộng =I+II	456.320	1.989.684.739	1.989.228.419

Giải thích nguyên nhân chênh lệch:

Tiền thuê đất phải nộp tăng thêm 1.989.228.419 đồng. Nguyên nhân do Công ty chưa ghi nhận khoản phát sinh phải nộp 1.989.228.419 đồng, là tiền thuê 6.795,6 m2 đất tại địa chỉ 592 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh, theo thông báo số 12855/TB-TB&TK ngày 12/4/2019 của Chi cục thuế Quận Tân Bình.

NGƯỜI LẬP BIỂU

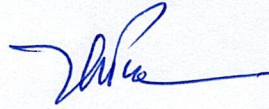

Hoàng Thế Phú

Số hiệu thẻ KTVNN: C0671

THUYẾT MINH CHI TIẾT CÁC PHÁT HIỆN SAI SÓT KHÁC
Tại ngày 31/12/2019

STT	Đơn vị, chỉ tiêu	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	Ghi chú
1	2	3	4	5
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	82.988.506	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải thu NSNN giảm: 82.988.506 đồng là do đơn vị chưa ghi nhận khoản thuế TNDN phải nộp NSNN theo Quyết định 718/QĐ-CT ngày 1/2/2019 của Cục thuế TP HCM.	
2	Thuế đất, tiền thuê đất	1.989.228.419	Tiền thuê đất phải nộp tăng thêm 1.989.228.419 đồng. Nguyên nhân do Công ty chưa ghi nhận khoản phát sinh phải nộp 1.989.228.419 đồng, là tiền thuê 6.795,6 m ² đất tại địa chỉ 592 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh, theo thông báo số 12855/TB-TB&TK ngày 12/4/2019 của Chi cục thuế Quận Tân Bình (chi phí quản lý tăng thêm tương ứng).	

NGƯỜI LẬP BIỂU



Hoàng Thế Phú

Số hiệu thẻ KTVNN: C0671